

Bản án số: 15/2019/HC-ST
Ngày 27/11/2019
“V/v khiếu kiện Quyết định hành chính”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thiết Hùng.
Các Hội thẩm nhân dân:
 1. Ông Nguyễn Văn Thảo Nguyên;
 2. Ông Hồ Quốc Hương.
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Trâm-Thư ký TAND tỉnh Quảng Trị.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa:**
Ông Đỗ Hoàng Sâm - Kiểm sát viên.

Ngày 27/11/2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2019/TLST-HC ngày 26 tháng 11 năm 2019 về việc “Khiếu kiện Quyết định hành chính” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2019/QĐXXST-HC ngày 13/11/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2019/QĐST-HC ngày 20/11/2019, giữa các đương sự:

1. **Người khởi kiện:**
 - Ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị T; địa chỉ: Thôn Đ2, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Trị; có mặt

Người đại diện theo ủy quyền của Người khởi kiện: Luật sư Đặng Quang L, Văn phòng Luật sư Đ thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Trị ; có mặt

2. **Người bị kiện:** UBND huyện L; địa chỉ: Đường C, thị trấn X, huyện L, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện theo ủy quyền của Người bị kiện: Bà Nguyễn Thị K- Phó Chủ tịch UBND huyện L; có mặt

Ông Lê Văn N- Trưởng phòng TNMT huyện và ông Lê Thanh H- Chánh Thanh tra huyện, trợ giúp pháp lý cho người được ủy quyền. Có mặt.

3. **Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:**
 - Ông Lê Văn M và bà Phùng Thị Kim H; địa chỉ: Thôn N 2, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.
 - Ông Nguyễn Viết H; bà Nguyễn Thị M; địa chỉ : Thôn Đ2, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Trị ; vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Viết L; địa chỉ : Thôn Đ2, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Trị ; có mặt.

4. Những người làm chứng:

- Ông Nguyễn Văn Q; địa chỉ: Thôn Đ2, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Trị; có mặt
- Bà Lê Thị L; địa chỉ: Thôn Đ2, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Trị; có mặt
- Ông Nguyễn Thế T; địa chỉ: Thôn Đ2, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Trị; có mặt
- Ông Nguyễn Viết M; địa chỉ: Thôn Đ2, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Trị; có mặt
- Ông Thái Văn C; địa chỉ: Thôn Đ 1, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt
- Bà Nguyễn Thị V; địa chỉ: Thôn Đ 1, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt
- Ông Nguyễn Đức P; địa chỉ: Khu phố Thạch Bàn, thị trấn T, huyện L, tỉnh Quảng Trị ; có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nội dung Đơn khởi kiện ngày 10/9/2019 của ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị T trình bày như sau:

Năm 1994, sau khi hoàn thành nghĩa vụ quân sự trở về quê hương, ông Nguyễn Văn N lập gia đình với bà Trần Thị T. Năm 1995, ông N và bà T được cha, mẹ cho 01 thửa đất với diện tích khoảng 1.781m² (tại bản trích lục bản đồ năm 2004 lưu trữ tại Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Trị thì thửa đất này có diện tích 1.667 m²) tại Thôn Đ2, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Trị. Vị trí thửa đất như sau: Phía Tây giáp với đất hộ ông Tám; phía Bắc giáp đất hộ ông Lương; phía Đông giáp với hộ ông Dũng; phía Nam giáp với hộ ông Toàn. Nguồn gốc thửa đất này được HTX Đ, xã T giao cho cha, mẹ ông N sử dụng làm đất màu sản xuất từ năm 1980.

Từ năm 1995 cho đến nay, ông N xây dựng nhà ở, trồng cây lâu năm, hoa màu trên thửa đất ổn định, liên tục. Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn và UBND xã chậm có chủ trương thực hiện thủ tục giao đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) cho nhân dân, nên năm 2013 ông N và bà T mới làm đơn xin giao đất với diện tích 703m²/1.781m² và phải nộp số tiền 17.758.000 đồng, diện tích còn lại hơn 1.000m² là đất canh tác hoa màu thì ông N, bà T vẫn tiếp tục quản lý, sử dụng.

Đến cuối năm 2018, ông N, bà T mới được biết toàn bộ diện tích đất hơn 1.000 m² tại thửa số 765, tờ bản đồ số 10 mà ông N và bà T sử dụng ổn định từ năm 1995 đến nay đã được UBND huyện L cấp cho ba hộ dân khác mà không có thông báo, Quyết định thu hồi, bồi thường tài sản nào từ phía UBND các cấp.

Sau một thời gian làm đơn tố cáo, ngày 02/4/2019, UBND huyện L đã có Thông báo kết quả giải quyết tố cáo số 57/KL-UBND, theo đó không thừa nhận sai

phạm trong quản lý đất đai, nhưng thừa nhận trên thửa đất cấp cho ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị Lệ H vẫn còn tài sản là cái giếng đào của ông N nên ban hành Quyết định số 1641/QĐ-UBND ngày 18/7/2019 thu hồi GCNQSDĐ đã cấp cho ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị Lệ H, với lý do là “Không đủ điều kiện được cấp”; hai hộ còn lại thì UBND huyện L cho rằng cấp đất đúng trình tự nên không thu hồi.

Ông N và bà T cho rằng việc cấp GCNQSDĐ đất cho ông Nguyễn Viết H, bà Nguyễn Thị M và ông Lê Văn M, bà Phùng Thị Kim H không đúng với các lý do sau:

- Tại Sổ theo dõi giao nộp nghĩa vụ với nhà nước ghi đầy đủ thông tin từ năm 2001, gia đình ông N đã nộp tiền thuế nhà đất cho nhà nước đối với nhà ở và thửa đất 765.

- Tất cả nhân dân trong thôn Đ2, xã T đều biết và xác nhận từ năm 1995 cho đến nay thì gia đình ông N xây dựng nhà ở và sản xuất trên thửa đất 765 nói trên.

- Bản trích lục bản đồ thửa đất 765, tờ bản đồ số 10 năm 2004 thể hiện chỉ một thửa đất 765, diện tích 1.667 m², có đầy đủ điểm mốc, tọa độ, chứng minh trước năm 2017 thì thửa đất này chỉ có duy nhất gia đình ông N quản lý, sử dụng.

Như vậy, gia đình ông N đang sử dụng đất ổn định, liên tục vào mục đích đất ở nông thôn và đất trồng cây hàng năm khác nhưng UBND xã kê khai nguồn gốc sử dụng đất của UBND xã quản lý là sai so với thực tế sử dụng và trái với quy định của nhà nước về lập sổ mục kê đất đai.

Theo Điều 53, Luật đất đai năm 2013 về Giao đất, cho thuê đất đối với đất đang có người sử dụng cho người khác, quy định:

“Việc Nhà nước quyết định giao đất, cho thuê đất đối với đất đang có người sử dụng cho người khác chỉ được thực hiện sau khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thu hồi đất theo quy định của Luật này và phải thực hiện xong việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật đối với trường hợp phải giải phóng mặt bằng”.

Gia đình ông N, bà T sử dụng đất ổn định, liên tục từ năm 1995 cho đến nay. Việc UBND huyện L chưa tiến hành thủ tục thu hồi mà tiến hành cấp GCNQSDĐ cho người khác là vi phạm pháp luật về đất đai. Từ các căn cứ trên:

Đề nghị TAND tỉnh Quảng Trị hủy Quyết định số 560/QĐ-UBND, ngày 27/11/2017 và GCNQSDĐ đất số CK371424 ngày 5/12/2017 của UBND huyện L về việc giao đất cho ông Nguyễn Viết H và bà Nguyễn Thị M với diện tích 530m² tại thôn Đ 2, xã T; Hủy Quyết định số 612/QĐ-UBND, ngày 15/12/2017 và GCNQSDĐ đất số CK371652 ngày 28/12/2017 của UBND huyện L về việc giao đất cho ông Lê Văn M và bà Phùng Thị Kim H với diện tích 510m² tại thôn Đ 2, xã T.

Tại Công văn số: 1258/UBND-TNMT ngày 10 tháng 10 năm 2019, tại các phiên đối thoại và phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của UBND huyện L trình bày:

Việc sử dụng đất của ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị T đã được cấp GCNQSDĐ theo đúng hạn mức quy hoạch. Việc cấp các GCNQSDĐ của các hộ dân là ông Nguyễn Viết H và bà Nguyễn Thị M; ông Lê Văn M và bà Phùng Thị

Kim H; ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị Lệ H thì đã nêu rõ trong quyết định giải quyết tố cáo. Đối với hồ sơ cấp GCNQSDĐ của ông N, bà T thực hiện theo quy định của Luật đất đai 2003 thì UBND xã lập hồ sơ trình UBND huyện ra quyết định. Đối với hồ sơ cấp GCNQSDĐ của Nguyễn T và bà Nguyễn Thị Lệ H, ông H, bà H thực hiện theo thủ tục hành chính thì hộ gia đình nộp hồ sơ tại bộ phận 01 cửa của huyện hoặc nộp hồ sơ tại xã. Sau đó chuyển hồ sơ lên Phòng TNMT thẩm tra và giao UBND xã T xác định (theo quyết định số 1411/QĐ-UBND ngày 24/6/2016 của UBND tỉnh Quảng Trị). Tại thời điểm giao đất thì vùng đất này đã được UBND xã T giải phóng mặt bằng. Riêng hồ sơ ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị Lệ H thì có sai sót do trên đất vẫn còn giếng nước của ông N, bà T. Việc lập thủ tục cấp GCNQSDĐ thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật. Thời điểm cấp đất cho các hộ gia đình thì UBND xã T đã thông báo giải tỏa. Khi tiến hành cấp GCNQSDĐ có tiến hành kiểm tra thực địa thì thấy rằng không có người sử dụng trên các diện tích đất này nên UBND huyện không ra quyết định thu hồi.

Tại các phiên đối thoại và tại phiên tòa, người có quyền và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thế Lập trình bày:

Năm 1988, ông Nguyễn S (bố ông N) được Hợp tác xã cấp đất màu để sản xuất. Năm 1995, ông N làm nhà trên đất màu của Hợp tác xã và đóng thuế cho nhà nước. Sau đó, do đất màu trồng cây không hiệu quả nên ông N có trồng một số cây lâu năm.

Năm 2017, ông H và bà M được cấp GCNQSDĐ và từ đó cho đến nay thì gia đình ông đã nộp đầy đủ nghĩa vụ cho nhà nước. Sau khi được cấp GCNQSDĐ thì gia đình ông tiến hành xây dựng nhà nhưng gia đình ông N, bà T không đồng ý. Khi gia đình ông L đến nhận đất thì trên diện tích đất này có một số cây Mít và một số cây khác do ông N trồng.

Vì vậy, ông L đề nghị người khởi kiện và người bị kiện trao đổi thống nhất phương thức giải quyết để gia đình ông có đất làm nhà. Đề nghị UBND huyện L tiến hành bồi thường các tài sản trên đất của ông N, giữ nguyên các GCNQSDĐ đã cấp để gia đình làm nhà.

Tại các phiên đối thoại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan Bà Phùng Thị Kim H trình bày:

Diện tích đất hoa màu được HTX trước đây cấp cho bà con trên địa bàn xã làm đất hoa màu rất nhiều. Sau này, UBND xã T thu hồi lại một phần hoa màu đó để cấp lại cho cá nhân sinh sống trên địa phương chưa có đất ở là thỏa đáng.

Khi giao đất cho gia đình bà H thì trên diện tích đất này chỉ có một số gốc cây và cây cỏ dại. Đề nghị Tòa án giải quyết nhanh để gia đình có đất làm nhà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án hành chính ở giai đoạn sơ thẩm:

Về tố tụng: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng; Người tham gia tố tụng đã

thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật tổ tụng hành chính trong giai đoạn sơ thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị T, hủy Quyết định số 560/QĐ-UBND ngày 27/11/2017 và GCNQSDĐ đất số CK 371424 ngày 05/12/2017 của UBND huyện L về việc giao đất cho ông Nguyễn Viết H và bà Nguyễn Thị M với diện tích 530 m² tại Thôn Đ2, xã T, huyện L; Hủy Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 15/12/2017 và GCNQSDĐ đất số CK 371652 ngày 28/12/2017 của UBND huyện L về việc giao đất cho ông Lê Văn M và bà Phùng Thị Kim H với diện tích 510 m² tại Thôn Đ2, xã T, huyện L.

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và đối thoại vào ngày 05/11/2019 và ngày 14/11/2019 giữa Người khởi kiện, Người bị kiện và Người có quyền và nghĩa vụ liên quan. Kết quả đối thoại là các bên đương sự không thống nhất được các vấn đề của nội dung vụ án nên Tòa án đã tiến hành các thủ tục để mở phiên tòa xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 140 Luật tố tụng hành chính.

Ngày 20/11/2019, Tòa án tiến hành mở phiên tòa. Do người khởi kiện có đơn xin hoãn phiên tòa. Vì vậy, Tòa án ra quyết định hoãn phiên tòa là đúng quy định.

[1.2]. Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền của Tòa án:

Ông N và bà T yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 560/QĐ-UBND ngày 27/11/2017 và GCNQSDĐ đất số CK 371424 ngày 05/12/2017 của UBND huyện L về việc giao đất cho ông Nguyễn Viết H và bà Nguyễn Thị M với diện tích 530 m² tại Thôn Đ2, xã T, huyện L; Hủy Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 15/12/2017 và GCNQSDĐ đất số CK 371652 ngày 28/12/2017 của UBND huyện L về việc giao đất cho ông Lê Văn M và bà Phùng Thị Kim H. Đây là các Quyết định hành chính và các quyết định này đã xâm phạm trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông N và bà T nên ông N, bà T khởi kiện tại TAND tỉnh yêu cầu hủy các Quyết định hành chính này là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính.

[1.3]. Về thời hiệu khởi kiện:

Ngày 20/8/2019, ông N và bà T được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L cấp các Quyết định hành chính nêu trên. Ngày 10/9/2019, ông N và bà T đã nộp đơn khởi kiện tại TAND tỉnh Quảng Trị là trong thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[2]. Xét tính có căn cứ và hợp pháp của Quyết định hành chính bị kiện.

[2.1]. Về thẩm quyền ban hành.

Tại khoản 2 Điều 105 Luật đất đai 2013 quy định về thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: “Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam.”

Như vậy, việc UBND huyện L ban hành các Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai nêu trên là đúng quy định về thẩm quyền theo khoản 2 Điều 105 Luật đất đai 2013.

[2.2]. Về trình tự thủ tục ban hành.

- Theo lời khai của ông Nguyễn Thế T (Nguyên đội trưởng đội sản xuất 6 của Hợp tác xã T từ năm 1988-2005) thể hiện: Vào thời điểm tháng 2/1988, hộ ông Nguyễn S (bố ông N) có 05 thửa đất màu liền kề nhau có tổng diện tích 2.756m², sau đó có chuyển nhượng cho một người khác 01 thửa đất có diện tích 500m², còn lại diện tích 2.256m². Năm 1995, ông Nguyễn S cho ông N canh tác trên diện tích đất này, phần diện tích đất này chính là phần diện tích đất được Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ ngày 06/11/2019.

- Theo lời khai của bà Lê Thị L, ông Nguyễn Văn Q, Nguyễn Viết M, Nguyễn Văn T thể hiện: Năm 1995, ông N làm nhà trên diện tích đất mà TAND tiến hành xem xét thẩm định. Phần diện tích đất này được ông N sử dụng ổn định, không tranh chấp từ năm 1995 cho đến nay.

- Theo lời khai của ông Nguyễn Viết L (người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Viết H và bà Nguyễn Thị M) thể hiện: Năm 1995, ông N làm nhà và sử dụng trên diện tích đất được TAND tỉnh tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ. Khi được UBND huyện L giao đất cho ông H và bà M thì trên đất vẫn còn một số cây lâu năm như Mít, Bơ do ông N trồng.

- Tại sổ theo dõi giao nộp nghĩa vụ nhà nước của hộ gia đình ông N thể hiện: Hộ gia đình ông N nộp thuế nhà đất từ năm 2001 đến năm 2013.

- Ngày 06/11/2019, TAND tỉnh Quảng Trị tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với các thửa đất: Thửa đất số 1230, tờ bản đồ số 10, diện tích 530 m² được UBND huyện L cấp cho ông Nguyễn Viết H và bà Nguyễn Thị M theo Giấy CNQSDĐ số CK 371424 ngày 05/12/2017 (Thửa đất số 1230); Thửa đất số 1228, tờ bản đồ số 10, diện tích 510 m² được UBND huyện L cấp cho ông Lê Văn M và bà Phùng Thị Kim H theo Giấy CNQSDĐ số CK 371652 ngày 28/12/2017 (Thửa đất số 1228); Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 04-QH, diện tích 703 m² được UBND huyện L cấp cho ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị T theo Giấy CNQSDĐ số BO 871906 ngày 26/7/2013 (Thửa đất số 12); Thửa đất số 899, tờ bản đồ số 10, diện tích 498 m² được UBND huyện L cấp cho ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị Lệ H theo Giấy CNQSDĐ số CH 020761 ngày 26/4/2017 (UBND huyện L đã thu hồi Giấy CNQSDĐ theo Quyết định số 1641/QĐ-UBND ngày 18/7/2019 của UBND

huyện Vĩnh Linh) (Thửa đất số 899). Qua xem xét thẩm định tại chỗ, TAND thấy rằng: trên thửa đất số 1230 có trồng 01 cây bạc đàn tái sinh, 01 cây mít tái sinh và 01 số cây chuối; Thửa đất số 1228 thì gia đình bà H, ông M có trồng cây sắn; Thửa đất số 899 có 01 giếng bỏ hoang.

Như vậy, có căn cứ cho rằng diện tích đất được UBND huyện L cấp theo Quyết định số 560/QĐ-UBND ngày 27/11/2017 và GCNQSDĐ đất số CK 371424 ngày 05/12/2017 của UBND huyện L về việc giao đất cho ông Nguyễn Viết H và bà Nguyễn Thị M; phần diện tích đất được cấp theo Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 15/12/2017 và GCNQSDĐ đất số CK 371652 ngày 28/12/2017 của UBND huyện L về việc giao đất cho ông Lê Văn M và bà Phùng Thị Kim H chính là diện tích đất được ông Nguyễn S sử dụng từ năm 1980 và được ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị T sử dụng ổn định từ năm 1995 cho đến nay.

Đồng thời, tại Thông báo kết luận số 57/KL-UBND ngày 02/4/2019 có nội dung: “Khu vực hộ gia đình ông Nguyễn Văn N và một số hộ gia đình khác đang làm nhà ở thuộc thôn Đ 2, xã T thuộc thửa số 765, tờ bản đồ số 10, có diện tích 1.667 m² loại đất màu, ghi chủ sở hữu là UBND xã (Sổ mục kê lập năm 2004)”.

Như vậy, phần diện tích đất này được gia đình ông N sử dụng ổn định từ năm 1995 cho đến nay; được đóng thuế nhà đất từ năm 2001 nhưng quy chủ là đất do UBND xã quản lý là không đúng với thực tế sử dụng đất. Do đó, việc lập Sổ mục kê liên quan đến thửa số 765, tờ bản đồ số 10 là chưa thực hiện đúng theo quy định tại Thông tư số 1990/2001/TT-TCĐC ngày 30/11/2001 của Tổng cục địa chính.

Điều 53, Luật đất đai năm 2013 về Giao đất, cho thuê đất đối với đất đang có người sử dụng cho người khác, quy định:

“Việc Nhà nước quyết định giao đất, cho thuê đất đối với đất đang có người sử dụng cho người khác chỉ được thực hiện sau khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thu hồi đất theo quy định của Luật này và phải thực hiện xong việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật đối với trường hợp phải giải phóng mặt bằng”.

Như vậy, khi UBND huyện L ban hành Quyết định số 560/QĐ-UBND ngày 27/11/2017 và GCNQSDĐ đất số CK 371424 ngày 05/12/2017 của UBND huyện L về việc giao đất cho ông Nguyễn Viết H và bà Nguyễn Thị M; Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 15/12/2017 và GCNQSDĐ đất số CK 371652 ngày 28/12/2017 của UBND huyện L về việc giao đất cho ông Lê Văn M và bà Phùng Thị Kim H nhưng không tiến hành các thủ tục thu hồi, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư là chưa thực hiện đúng theo quy định của pháp luật đất đai.

Vì những căn cứ trên, cần chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị T về việc hủy Quyết định số 560/QĐ-UBND ngày 27/11/2017 và GCNQSDĐ đất số CK 371424 ngày 05/12/2017 của UBND huyện L về việc giao đất cho ông Nguyễn Viết H và bà Nguyễn Thị M; hủy Quyết định số 612/QĐ-

UBND ngày 15/12/2017 và GCNQSDĐ đất số CK 371652 ngày 28/12/2017 của UBND huyện L về việc giao đất cho ông Lê Văn M và bà Phùng Thị Kim H.

Về án phí: Do chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị T nên Người bị kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị T không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; Điều 53 Luật đất đai 2013; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị T: Hủy Quyết định số 560/QĐ-UBND ngày 27/11/2017 và GCNQSDĐ đất số CK 371424 ngày 05/12/2017 của UBND huyện L về việc giao đất cho ông Nguyễn Viết H và bà Nguyễn Thị M với diện tích 530 m² tại Thôn Đ2, xã T, huyện L; hủy Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 15/12/2017 và GCNQSDĐ đất số CK 371652 ngày 28/12/2017 của UBND huyện L về việc giao đất cho ông Lê Văn M và bà Phùng Thị Kim H.

2. Về án phí: UBND huyện L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính sơ thẩm. Ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị T không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm; Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số AA/2010/000652 ngày 25/9/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

3. Người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thiết Hùng